

華 国 際 ア カ デ ミ ー

HANA

INTERNATIONAL ACADEMY

明るく・楽しく
元気よく!



JAPANESE - LANGUAGE SCHOOL

華 国 際 ア カ デ ミ ー

www.hanaacademy.com



教育理念 EDUCATIONAL IDEAL

【使える日本語・役に立つ日本語・食べていける日本語】

1. 華国際アカデミーは、確固たる教育理念に基づいて夢の実現をお手伝いします。
2. 変化の激しい現代において、将来を見越した思考力と判断力、行動力を日本語学習を通じて培います。
3. 社会生活を営む上で、社会常識と正しい判断力を身につける教育を行います。
4. グローバル化が進む21世紀において、必要な国際感覚を身につける教育を行います。
5. 将来確固たる社会的地位に就けるように、有名な国立私立大学・大学院の進学を目標にしています。

沿革 HISTORY

2003年 4月	開校	留学・進学コース	定員 100名
2010年 4月	増員	留学・進学コース	定員 150名
2011年10月	増員	留学・進学コース	定員 200名

現在に至る

800名以上の卒業生が日本や母国で活躍しています。
大学院、大学、専門学校への進学率90%以上の実績があります。

奨学金 SCHOLARSHIP

本校で出席率100%・成績優秀など条件を満たした学生に給付資格のチャンスがあります。

毎月：¥ 30,000 年間：¥ 360,000



勉学に、生活に「明るく・楽しく・元気よく！」



特色
FEATURE

- ・生徒一人ひとりを大切に学園生活を明るく過ごすために、勉強はもちろん生活環境作りまで親身になって生徒と共に歩んでいきます。
- ・「食べていける日本語」教育が実践でき、それらを教える実力ある教師が揃っています。
- ・国立有名私大に多数合格させた実力のある教師が揃っています。

環境
NEIGHBORHOOD

華国際アカデミーは、東京・上野の近くに位置し、静かで環境の良い住宅街にあります。
京成線お花茶屋駅から徒歩3分。駅前には商店街や医院があり大変便利です。

カリキュラム
CURRICULUM

コース		4	5	6	7	8	9	10	11	12	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	1	2	3						
2年	4月入学		初級Ⅰ				初級Ⅱ			初中級						中級									上級	卒業					
1年9ヶ月	7月入学			初級Ⅰ			初級Ⅱ			初中級						中級									上級		卒業				
1年6ヶ月	10月入学							初級Ⅰ		初級Ⅱ					初中級									中級	上級			卒業			
1年3ヶ月	1月入学									初級Ⅱ				初中級										中級	上級				卒業		
留学試験対策																														卒業	
留学試験																															卒業
能力試験対策																															
能力試験																										卒業					
定期試験																											卒業				
進学準備																												卒業			

日本文化を感じる、年間イベント



年間行事 EVENT

華国際アカデミーでは、学生たちが授業以外で充実した体験ができるよう、年間を通して様々な行事が組まれています。日本文化を身近に感じてもらえるように四季に合わせたイベントや、研修旅行などを実施しています。



1日の流れ DAILY SCHEDULE

授業は1日4時間です。午前と午後に入れ替え制となります。
どちらのクラスになるかは、入国後テストによって決まります。



授業 AM 9:00-12:20



授業 PM 13:00-16:20



アルバイト PART TIME JOB

留学VISAは資格外活動許可を受ければ、1週間28時間のアルバイトが認められています。本校は、勉学に影響を与えない範囲で、アルバイトをすることを勧めます。

学校生活だけでは得られない、生きた日本語に接する機会があるからです。

1ヶ月の収入・支出例

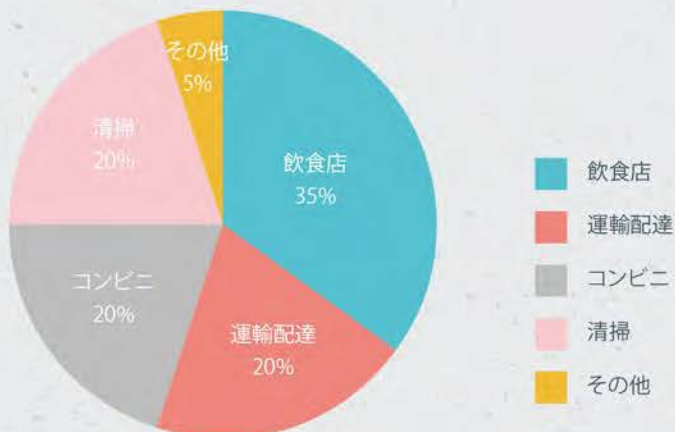
【収入】

1週間28時間 × 時給 ¥1,100 = ¥30,800
¥30,800 × 4週間 = ¥123,200

【支出】

家賃	¥30,000	光熱費	¥6,000
携帯電話	¥3,000	食費	¥15,000
洋服代	¥5,000	交際費	¥5,000
		合計	¥64,000

アルバイトの職種



アルバイトの時給



Học tiếp

Hiện giờ, các bạn trả tiền để đi học nhưng một vài năm nữa các bạn sẽ nhận được lương tháng khi đi làm. Vì vậy trường chúng tôi đặt mục tiêu giảng dạy [Tiếng Nhật để làm nghề], giúp các bạn có nền tảng tiếng Nhật vững chắc khi đi làm sau này.

Chúng tôi xác định việc học ôn thi vào các trường cao học, đại học, trường dạy nghề cũng là một phần trong chương trình học tại trường Nhật ngữ. Chúng tôi sẽ giúp các bạn luyện thi tốt để đỗ vào các trường học tiếp theo nguyện vọng.

Cao học

- Nghiên cứu sâu hơn nội dung đã học ở Đại học.
- Khóa học thạc sĩ 2 năm, khóa học tiến sĩ 3 năm.

Điều kiện dự thi

- Tốt nghiệp đại học chính quy ở bản quốc.
- Nghiên cứu liên quan đến ngành đã học đại học ở bản quốc.
- Bắt buộc phải có năng lực tiếng Nhật có thể đọc hiểu tài liệu chuyên ngành.
- Học sinh phải tự tìm và liên hệ với giáo sư để được nhận, và tự viết luận văn nghiên cứu.

Đại học

- Năm 1, 2 học đại cương và giai đoạn đầu các môn chuyên ngành.
- Năm thứ 3, 4 học các môn chuyên ngành.
- Từ tháng 12 năm thứ 3 trở đi bắt đầu thời điểm tìm việc.

Điều kiện dự thi

- Phải có kết quả thi du học Nhật bản. Bắt buộc phải tham dự kỳ thi du học.
- Hầu hết các trường đại học đều quy định điều kiện dự thi bằng điểm số kỳ thi du học.
- Tùy khoa đăng ký, có thể phải cần cả năng lực toán và tiếng Anh.

Trường dạy nghề

- Tốt nghiệp sau 2 năm
- Có rất nhiều trường như: trường dạy vẽ ô tô, kỹ sư lập trình, du lịch, nấu ăn, kế toán, ... chắc chắn bạn sẽ tìm được trường theo nguyện vọng.
- Từ trường dạy nghề có thể học liên thông lên đại học.

Điều kiện dự thi

- Tỷ lệ đi học ở trường Nhật ngữ bắt buộc phải trên 85%.
- Năng lực Nhật ngữ N3 trở lên.



**Sơ lược
về các
khóa học**

Một năm có 4 lần khai giảng vào tháng 4, tháng 7, tháng 10, tháng 1.

Các khóa học đều kết thúc vào tháng 3.

Thời gian học 4 tiếng/ngày từ thứ 2 đến thứ 6, buổi sáng từ 9:00 tới 12:20 hoặc buổi chiều từ 13:00 tới 16:20.

Các lớp học được chia theo kết quả bài kiểm tra phân lớp sau khi học sinh tới Nhật.



Thời gian nhập học	Thời gian học	Thời gian đăng ký	Số học sinh tối đa
Tháng 4	2 năm	1/9 ~ 20/11	Tổng cộng 200 người
Tháng 7	1 năm 9 tháng	1/12 ~ 20/2	
Tháng 10	1 năm 6 tháng	1/3 ~ 20/5	
Tháng 1	1 năm 3 tháng	1/6 ~ 20/8	

Tiêu chuẩn nộp hồ sơ

- Người đã hoàn thành chương trình giáo dục phổ thông 12 năm trở lên.
- Người có chứng chỉ tương đương Kỳ thi năng lực tiếng Nhật N5, J.TEST F kyu, NAT-TEST 4 kyu trở lên. Người đủ các điều kiện trên, và thời gian tính từ khi tốt nghiệp lần cuối là dưới 5 năm.

Cách thức gửi hồ sơ

Sau khi nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua bưu điện, hãy nộp trực tiếp hoặc chuyển khoản ngân hàng lệ phí tuyển sinh.

Hình thức xét tuyển

Sau khi xem xét hồ sơ đăng ký, sẽ tiến hành phỏng vấn.

Thủ tục từ khi nộp hồ sơ đến khi nhập học

① 申請者

1 入学願書（本校指定用紙）

- すべての項目を記載すること。
- 氏名はパスポートに記載された氏名を記入すること。

2 履歴書（本校指定用紙）

- 学歴に空白期間がある場合は、証明書または自筆の説明書を提出すること。
- 住所、機関名は省略しないで正しく書くこと。
- 各証明書の記載内容と一致すること。

3 留学理由書（本校指定用紙）

- 留学の目的・将来の夢・本校卒業後の予定など、詳しく記載すること。

4 最終学歴卒業証書（原本）
または卒業見込み証明書

※ 卒業証書の原本は、交付結果後返却します。

5 最終学歴成績証明書
（原本もしくはコピー）

※ 成績表の原本は、交付結果後返却します。

6 日本語学習歴証明（原本）

- 150時間以上の学習時間の記載があること。
 - 日本語能力試験N5相当以上の合格証明書。
- ※ 合格証明書の原本は交付結果後、返却します。

7 在職証明書（原本）

- 職歴がある場合提出する。
- 入社年月日、勤務年数、職種、地位の記載があること。

8 パスポートコピー

- 書類提出時にパスポートを持っている場合に限る。
- 日本の入出国歴は、履歴書にすべて記入すること。

9 身分証明書のコピー

- 公的機関からの身分を実証する書類。
- 氏名・生年月日・住所等、他の書類と一致していること。

10 写真6枚（3cm×4cm）

- 3ヶ月以内に撮影したもので、正面向き・無帽・無背景。
- 裏面に名前を記入。

② 経費支弁者

1 経費支弁書（本校指定用紙）

- 支弁者が直筆で記入してください。
- 申請者との関係、経費支弁の必要性、方法等を記入すること。
- 支弁者が2名の場合は別々に記入して、2枚提出してください。

2 親族証明書（原本） 身分証明書のコピー 出生届けのコピー

- 申請者と経費支弁者の関係を記載した公的機関から発行された書類。
- 氏名・生年月日・住所等、他の書類と一致していること。
- ※ 経費支弁者は2親等までの親族に限られます。

3 預金残高証明（原本） （通貨は円かドル）

- 2年留学の場合は300万円以上、1年半の場合は200万円以上相当の預金が必要。

4 資金形成書類

- 銀行通帳のコピー（表紙から全ページ）
- 定期預金証書のコピー
- ※ 国により異なるので、お問合わせください。

5 在職証明書（原本） または営業許可証のコピー

- 入社年月日、勤務年数、職種、地位の記載があること。
- 営業許可証は当年の営業許可年号が印章されていること。

6 収入証明書（原本）

- 経費支弁者の所得が確認できるもの。
- 過去3年分。

7 納税証明書（原本）

- 経費支弁者の所得が確認できるもの。
- 過去3年分。

注意事項

1. 本校および入国管理局では、追加書類をお願いする場合がございます。
2. コピーは原寸大、用紙はA4サイズ、片面コピーをお願いします。
3. すべての書類に、日本語訳を付けてください。
4. 原本類は入国後返却されますが、控えの必要な方は事前にコピーをとってから提出してください。
5. 以前に長期日本に滞在されたことがある方
在留資格認定証明書の交付申請をされたことのある方

必ずその旨を申し出てください。

学 費

学費には、教科書代・プリント代・外国人傷害保険・学校行事（課外活動・一泊旅行・その他）の費用が含まれます。

但し、日本留学試験・日本語能力試験と自由参加の行事は自己負担です。

留学ビザ交付後、初年度1年間分の学費を納付してください。（表1）

2年目からは、6ヶ月分ずつ納入可能です。（表2）

表 1

	初年度納入金 (1年間分)	2年コース 2年目納入金 (4月入学生)	1年9ヶ月コース 2年目納入金 (7月入学生)	1年6ヶ月コース 2年目納入金 (10月入学生)	1年3ヶ月コース 2年目納入金 (1月入学生)
入学選考料	20,000				
入学金	70,000				
授業料	570,000	570,000	427,500	285,000	142,500
施設費	80,000	80,000	60,000	40,000	20,000
合計	740,000	650,000	487,500	325,000	162,500
在籍期間 合計		1,390,000	1,227,500	1,065,000	902,500

消費税込み(円)

表 2

納入日 コース	3月2日	6月2日	9月2日	12月2日	合計
2年コース	325,000		325,000		650,000
1年9ヶ月コース		325,000		162,500	487,500
1年6ヶ月コース			325,000		325,000
1年3ヶ月コース				162,500	162,500

消費税込み(円)

学費返還規定

1. 在留資格認定証明書が交付されなかった場合、選考料を除いた金額を返金します。
2. 在留資格認定証明書交付後、①ビザの手続きをしない ②ビザが発給されない
③ビザは発給されたが来日前に入学を取りやめた、などの場合には、選考料と入学金を除いた金額を返金します。
※ 在留資格認定証明書と入学許可証の返却確認後に返金します。返金の際の振込費用は申請者の負担となります。
3. 入学後は、原則として学費は返還できません。
4. 振込手数料は送金人負担でお願いします。

寮

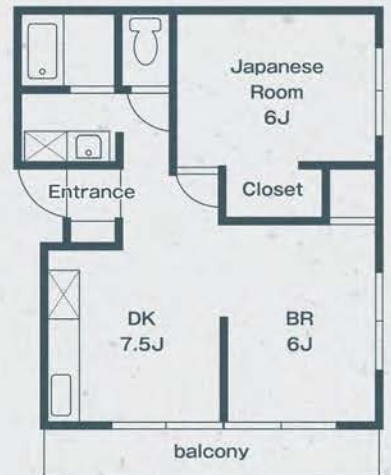
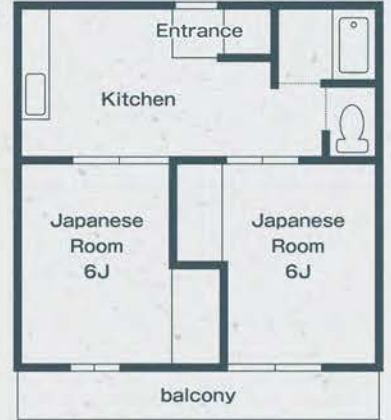
本校は、学生寮を完備しております。
 学生寮は徒歩または自転車で15分以内の学校に近い場所にあります。
 入国したらすぐに生活が出来るよう設備が整っています。
 (wifi・エアコン・洗濯機・冷蔵庫・炊飯器・電子レンジ・食器等)
 お気軽にお問合わせください。

寮費

	1部屋 2人	1部屋 4人
寮費(1ヶ月)	40,000	30,000
保証金	20,000	20,000
入寮費	30,000	30,000
寝具代	10,000	10,000
6ヶ月 合計	300,000	240,000

消費税込み(円)

※ 電気料金・水道料金・ガス料金は寮費に含まれていません。



保護者様へ

日本滞在中の生活費はアルバイトで賄うことができますが、次期学費はアルバイトの収入だけでは足りません。本校の次期学費と進学先の初年度納入金は必ず準備してください。

HANA

INTERNATIONAL ACADEMY



アクセス
Access

京成線 お花茶屋駅より徒歩3分
3minutes walk from the station



JAPANESE - LANGUAGE SCHOOL
華 国 際 ア カ デ ミ ー
HANA INTERNATIONAL ACADEMY

〒124-0003 東京都葛飾区お花茶屋1-6-12
1-6-12 Ohanajaya Katsushika-ku Tokyo Japan
TEL : 03-3603-2400 FAX : 03-3603-2404
E-mail : info@hanaacademy.com